Chi tiết mã HS 8445.11.20

Mã HS	8445.11.20
Mô tả hàng hóa	Máy chuẩn bị xơ sợi dệt; máy kéo sợi, máy đậu sợi hoặc máy xe sợi và các loại máy khác dùng cho sản xuất sợi dệt; máy guồng hoặc máy đánh ống sợi dệt (kể cả máy đánh suốt sợi ngang) và các loại máy chuẩn bị sợi dệt dùng cho máy thuộc nhóm 84.46 hoặc 84.47 / - Máy chuẩn bị xơ sợi dệt: / - - Máy chải thô: / - - - Không hoạt động bằng điện
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	05/11/2026 23:52:53
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84451120/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13936
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13936
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13936
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13253
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13194
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13194
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13194
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13194
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13194
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13194
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13248
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13248
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13248
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13248

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13248
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13248
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13249
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13249
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13249
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13249
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13249
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13249
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13252
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13200
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13208
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13208
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13208
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13208
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13208
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13208
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13239
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13239
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13239
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13239
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13239
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13239
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13288
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13288
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13288
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13288

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13288
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13288
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D13271
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E13271
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F13271
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G13271
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H13271
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I13271
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13271
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13271
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13271
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13271
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13271
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13271
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13286
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13286
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13286
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13286
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13286
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13286
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13285
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13285
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13285
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13285
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13285
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13285

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13265
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13265
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13265
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13265
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13265
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13265
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13265
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13273
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13273
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13273
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13273
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13273
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13273
RCEP B	2022	2022	0	B!D13273
RCEP B	2023	2023	0	B!E13273
RCEP B	2024	2024	0	B!F13273
RCEP B	2025	2025	0	B!G13273
RCEP B	2026	2026	0	B!H13273
RCEP B	2027	2027	0	B!I13273
RCEP C	2022	2022	0	C!D13273
RCEP C	2023	2023	0	C!E13273
RCEP C	2024	2024	0	C!F13273
RCEP C	2025	2025	0	C!G13273
RCEP C	2026	2026	0	C!H13273
RCEP C	2027	2027	0	C!I13273
RCEP D	2022	2022	0	D!D13272

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13272
RCEP D	2024	2024	0	D!F13272
RCEP D	2025	2025	0	D!G13272
RCEP D	2026	2026	0	D!H13272
RCEP D	2027	2027	0	D!I13272
RCEP E	2022	2022	0	E!D13276
RCEP E	2023	2023	0	E!E13276
RCEP E	2024	2024	0	E!F13276
RCEP E	2025	2025	0	E!G13276
RCEP E	2026	2026	0	E!H13276
RCEP E	2027	2027	0	E!I13276
RCEP F	2022	2022	0	F!D13273
RCEP F	2023	2023	0	F!E13273
RCEP F	2024	2024	0	F!F13273
RCEP F	2025	2025	0	F!G13273
RCEP F	2026	2026	0	F!H13273
RCEP F	2027	2027	0	F!I13273
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12314
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12314
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12314
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12314

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8445.11 có 2 dòng thuế; dòng 8445.11.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Không hoạt động bằng điện.	8445.11.10 Hoạt động bằng điện	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8445.11.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8445.11.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13936), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.